BÀI GIẢNG: QUIZLET 1.2 – LANGUAGE
UNIT 1 – LIFE STORIES WE ADMIRE
MÔN TIẾNG ANH – SGK GLOBAL SUCCESS – LỚP 12
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ NGỌC ANH – TUYENSINH247.COM

STT	Từ mới/Cụm từ	Từ loại	Nghĩa
1	achievement	n	thành tích, thành tựu
2	blow	v	thổi (gió)
3	impressive	a	ấn tượng
4	phonograph	n	máy quay đĩa
5	setting	n	bối cảnh
6	documentary	n	phim tài liệu
7	fireplace	n	lò sưởi
8	light a fire		thắp lửa
9	childhood	n	thời thơ ấu
10	marriage	n	hôn nhân
11	continuous	a	liên tục
12	to be admired for		được ngưỡng mộ vì
13	attend school/college		đi học/ học cao đẳng
14	at the age of		ở độ tuổi
15	invention	n	sự phát minh
16	light bulb	np	bóng đèn
17	simple	a	đơn giản
18	be married to someone	a	kết hôn với ai
19	keep warm		giữ ấm
20	take care of		chăm sóc